

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/LĐ-ST

Ngày: 26 – 3 – 2026

Về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu và điều
chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Rát.

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đ. T. H, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, phường B, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty J. X, địa chỉ: phường X, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Z. Z, CHỨC VỤ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà B. T. Q, sinh năm 1991, chức vụ: Giám đốc – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (theo văn bản uỷ quyền số 1512/CV-CTY ngày 01/12/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà H. T. N. C, sinh năm 1990, địa chỉ khu phố A, phường B, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị giải, xét xử quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng; địa chỉ: Số 03 Lãnh Binh Tông, khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà L. T. H. T, chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ. T. H trình bày:**

Tháng 12/2007, chị H có cho cháu ruột là chị H. T. N. C mượn giấy chứng minh nhân dân của chị H để làm việc tại Công ty J. X có địa chỉ tại Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III thời gian từ tháng 12/2007 cho đến tháng 02/2009. Trong quá trình làm việc tại Công ty J. X, chị Châu được Công ty đóng bảo hiểm xã hội dưới tên chị H - Đ. T. H với số bảo hiểm số 4507020917. Chị Châu làm việc tại Công ty J. X đến tháng 02/2009 thì nghỉ việc. Trong khi đó, tháng 9/2008 chị H làm việc tại Công ty P. C. Chị H chỉ làm việc tại Công ty P. C được 01 tháng thì nghỉ việc nhưng Công ty vẫn đóng bảo hiểm xã hội cho chị với số sổ bảo hiểm xã hội là 7211031136. Đến tháng 11/2011 chị H làm việc tại Công ty TNHH PTS (Việt Nam) cho đến tháng 3/2024 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH PTS (Việt Nam) chị H được công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ là 7211031136. Năm 2025, chị H làm thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật thì phát hiện bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian tháng 09/2008 với 02 số sổ bảo hiểm xã hội là 4507020917 và 7211031136 dưới một tên là Đ. T. H. Thực tế, thời gian bị trùng tháng 9/2008 là khoảng thời gian chị cho chị H. T. N. C mượn giấy chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty J. X và được Công ty J. X tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên chị H là Đ. T. H. Do chị H và chị Châu bị trùng thời gian làm việc tại 02 công ty khác nhau nhưng dưới một tên là Đ. T. H nên nay chị H không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội được. Vì vậy, nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị H. T. N. C nhưng trên Hợp đồng lao động ghi tên Đ. T. H và Công ty J. X có thời gian làm việc từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 là vô hiệu. Đồng thời, chị H yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 cấp cho Đ. T. H do Công ty J. X nộp từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 thành tên H. T. N. C. Chị H được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng lao động được xác lập giữa chị H với Công ty P. C trong thời gian tháng 9/2008 và Công ty TNHH PTS (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 3/2024 theo đúng quy định pháp luật.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – bà Bùi Thị Thuý Quỳnh trình bày:**

Thời điểm Công ty J. X ký kết hợp đồng lao động với công nhân thì công nhân có nghĩa vụ cung cấp cho công ty thông tin người lao động và người lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp cho công ty. Công ty J. X không biết việc chị H. T. N. C mượn giấy tờ tùy thân của chị Đ. T. H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Nay Công ty J. X không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. T. H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký

giữa Công ty J. X và chị Đ. T. H (do chị H. T. N. C mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng) là vô hiệu. Do thời gian đã lâu, công ty hiện tại không còn lưu trữ thông tin hợp đồng lao động của chị Đ. T. H nên không thể cung cấp cho Tòa án nhân dân khu Vực 12 - Tây Ninh.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị H. T. N. C trình bày:**

Năm 2007, do chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên chị Châu đã mượn chứng minh nhân dân của chị H để làm việc tại Công ty J. X. Chị Châu làm việc tại Công ty J. X dưới tên Đ. T. H từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 thì nghỉ việc. Ngoài ra, chị Châu không sử dụng chứng minh nhân dân của chị H vào mục đích nào khác. Trong thời gian làm việc tại Công ty J. X, chị được công ty tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 với số sổ bảo hiểm là 4507020917 dưới tên Đ. T. H. Nay chị Châu đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Châu đứng dưới tên Đ. T. H với Công ty J. X vô hiệu và yêu cầu Tòa án điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 cấp cho chị Đ. T. H do Công ty J. X nộp từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 thành tên H. T. N. C để chị Đ. T. H được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng lao động được xác lập giữa chị H với Công ty P. C và Công ty TNHH PTS (Việt Nam) theo đúng quy định pháp luật. Sau khi nghỉ việc tại Công ty J. X chị đã lãnh chế độ bảo hiểm xã hội một lần xong nên trong vụ án này chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Trảng Bàng trình bày:**

Kiến nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà H. T. N. C (sử dụng Chứng minh nhân dân số 301595532 của bà Đ. T. H, sổ sổ bảo hiểm xã hội 4507020919) và Công ty J. X vô hiệu. Xem xét điều chỉnh thông tin tham gia Bảo hiểm xã hội trên cơ sở dữ liệu thành H. T. N. C.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019; Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề xuất:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. T. H về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty J. X. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Đ. T. H (do H. T. N. C là người trực tiếp lao động) với

Công ty J. X từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009. Điều chỉnh tên Đ. T. H trên sổ bảo hiểm số 4507020917 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 thành tên H. T. N. C. Bà Đ. T. H và chị H. T. N. C được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 từ tên Đ. T. H thành tên H. T. N. C.

+ Án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị H, chị Châu, Công ty J. X và Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và yêu cầu điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội nên đây là tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội” được quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty J. X có trụ sở tại Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng lao động: chị Đ. T. H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Đ. T. H nhưng do chị H. T. N. C là người trực tiếp lao động với Công ty J. X là vô hiệu. Chị Châu và Công ty J. X không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Tuy nhiên, tại văn bản số 537/BHXXH-TBA ngày 26/02/2026, Bảo hiểm xã hội cơ sở Trảng Bàng cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của chị Đ. T. H sinh năm 1984 (sử dụng Căn cước công dân số: 080184004889; Chứng minh nhân dân số: 301595532) với mã số bảo hiểm xã hội như sau:

+ Sổ 4507020917: Họ và tên người tham gia: Đ. T. H, số Chứng minh nhân dân 301595532 (sổ sổ này đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp) có quá trình tham gia từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009.

+ Sổ 7211031136: Họ và tên người tham gia: Đ. T. H, số Căn cước công dân 080184004889 (sổ sổ này chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng bảo hiểm thất nghiệp) có quá trình tham gia từ tháng 09/2008 đến tháng 09/2008 và từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2024.

Như vậy, có căn cứ xác định, Công ty J. X có tham gia bảo hiểm cho chị Đ. T. H từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 với sổ bảo hiểm số 4507020917 nên có cơ sở xác định giữa chị Đ. T. H và Công ty J. X có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009.

[3.2] Xét thấy, chị Đ. T. H có cho chị H. T. N. C mượn chứng minh nhân dân mang tên Đ. T. H để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 tại Công ty J. X theo sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917. Trong khi đó, tháng 9/2008 chị H trực tiếp tham gia lao động tại Công ty P. C và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội cho chị với sổ sổ bảo hiểm xã hội là 7211031136.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 9/2008 thì người lao động mang tên Đ. T. H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty J. X và Công ty P. C.

Do đó, việc chị H. T. N. C tham gia trực tiếp lao động với Công ty J. X nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Đ. T. H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Vì vậy, hợp đồng lao động giữa chị Đ. T. H với Công ty J. X bị vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ. T. H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3] Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Đ. T. H trên Sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 trong giai đoạn từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 tại Công ty J. X thành tên H. T. N. C.

[4] Chị H. T. N. C, Công ty J. X không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ghi nhận chị Đ. T. H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 16, Điều 18, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ. T. H về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội” đối với Công ty J. X.

1.1. Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa chị H. T. N. C (nhưng sử dụng thông tin của chị Đ. T. H để giao kết hợp đồng) với Công ty J. X trong thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 vô hiệu.

1.2. Điều chỉnh tên Đ. T. H trên sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2009 thành tên H. T. N. C.

Chị Đ. T. H và chị H. T. N. C được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4507020917 từ tên Đ. T. H thành tên H. T. N. C.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: chị Đ. T. H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011433 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến

